

Bản án số: 501/2023/HS-PT

Ngày: 24-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 477/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Võ Thị Minh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo bị kháng cáo:

Võ Thị Minh H, sinh năm: 1963 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKNKTT: B N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đình B (Chết) và bà Phạm Thị C (Chết); chồng: ông Nguyễn Đ, sinh năm 1963, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2022, vắng mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Minh H:

+ Ông Trần Công L - Luật sư hoạt động tại Văn phòng L2 thuộc đoàn Luật sư tỉnh B. Địa chỉ: H M, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt

+ Ông Nguyễn Ngọc Quốc L1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Địa chỉ: G T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm: 1975. Trú tại: A D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt

2. Bà Phạm Thị Ái D, sinh năm: 1993. Trú tại: H Ý, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Võ Thị Minh H làm nghề đại lý buôn bán vé số kiến thiết. Quá trình kinh doanh, do mất cân đối trong chi tiêu nên H phải vay mượn tiền bên ngoài của nhiều người. Đến năm 2021, vợ chồng H đã thế chấp nhà và đất đang ở cho Ngân hàng V để vay số tiền 8,7 tỷ đồng, sau đó đem trả nợ cho nhiều người. Từ đầu tháng 3/2022, để có tiền trả nợ, H đã nhiều lần đưa ra lí do cần tiền đáo hạn ngân hàng, nộp tiền cho công ty X để vay tiền của người này rồi trả nợ cho người khác. Đến cuối tháng 3/2022, Ngô Thị Vũ H2 (Sinh năm: 1986; trú tại: Căn số A tầng B chung cư P, đường L, TP ., Bình Định; thời điểm đó là Trưởng phòng G - Ngân hàng V Chi nhánh B3) có nói cho H biết về chương trình cho vay ưu đãi lãi suất của ngân hàng V, nên H có ý định muốn trả nợ trước hạn các khoản vay cũ vay lại khoản mới theo chương trình ưu đãi lãi suất. Tuy nhiên, thời điểm này cũng sắp đến hạn trả nợ cho các cá nhân mà H đã vay trước đó nên H nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối về việc vay tiền đáo hạn ngân hàng để vay tiền của người khác rồi chiếm đoạt, dùng tiền vay được trả nợ cho những cá nhân đã vay trước đó. Cụ thể như sau:

1. Vay của bà Trần Thị Thu H1 (Sinh năm 1975; trú tại: A D, P.N, TP ., Bình Định) số tiền 4,5 tỷ đồng: Giữa Võ Thị Minh H và bà Trần Thị Thu H1 không có mối quan hệ quen biết trước đó. Khoảng 09h00' ngày 22/3/2023, thông qua giới thiệu, H có số điện thoại và tự liên hệ với H1, đề nghị vay tiền. Sau đó khoảng 20 phút, vợ chồng bà H1, ông Đỗ Quang T (Sinh năm 1975) đến nhà của H để trao đổi. Tại đây, H đề nghị vay 4,5 tỷ đồng, nói dối mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 03 ngày. Vợ chồng H1 đồng ý rồi lấy mẫu giấy mượn tiền in sẵn đưa cho H viết theo nội dung trên. Sau khi H viết giấy mượn tiền và ký tên xong, ông T cầm giấy đưa cho ông Nguyễn Đ (Chồng của H) xem và ký tên. Sau đó, H1 yêu cầu H chuyển trước 20 triệu tiền lãi vào số 107800925799 tại Ngân hàng V của H1. Đến 14h18' cùng ngày, H1 đến Phòng G, nộp số tiền mặt 4,5 tỷ đồng vào tài khoản số 105873287724 tại Ngân hàng V của Võ Thị Minh H. Sau khi có được tiền, H không thực hiện việc đáo hạn như thỏa thuận, mà chiếm đoạt số tiền 4,5 tỷ đồng, dùng để trả nợ cho 03 cá nhân đã cho H vay trước đó. Như vậy, sau khi trừ số tiền 20 triệu đồng tiền lãi H đã chuyển cho bà H1, Võ Thị Minh H còn chiếm đoạt của Trần Thị Thu H1 số tiền 4.480.000.000 đồng.

2. Vay của bà Phạm Thị Ái D (Sinh năm 1993; trú tại H Ý, P.T, TP ., Bình Định) số tiền 03 tỷ đồng: Giữa Võ Thị Minh H và bà D, bà Cao Thị T1 (Là mẹ chồng bà D; sinh năm 1965; trú tại H Ý, TP ., Bình Định) không có quan hệ quen biết từ trước. Sáng ngày 23/3/2023, thông qua giới thiệu, H có số điện thoại và liên hệ với bà T1 để hỏi vay tiền đáo hạn ngân hàng, rồi hẹn đến nhà để trao đổi. Khoảng 30 phút sau, H đến nhà gặp bà T1 và bà D, đề nghị vay 03 tỷ đồng, nói dối mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, hẹn ngày 24/3/2022 sẽ

trả nợ. Lúc này, bà T1 nói D tự trao đổi với H để cho vay tiền nên D đưa mẫu giấy mượn tiền in sẵn cho H viết và ký tên trên giấy mượn tiền. Sau đó, D thực hiện giao dịch chuyển tiền qua dịch vụ Internet banking đến số tài khoản 105873287724 tại Ngân hàng V của Võ Thị Minh H 02 lần, với tổng số tiền 03 tỷ đồng như thỏa thuận. Sau khi có được tiền, H không thực hiện việc đáo hạn như thỏa thuận, mà chiếm đoạt tiền số tiền 03 tỷ đồng, dùng để trả nợ cho 01 cá nhân đã cho H vay trước đó.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 22/3/2022 đến ngày 24/3/2022, Võ Thị Minh H đã 02 lần vay tiền của bà Trần Thị Thu H1 và bà Phạm Thị Ái D, với tổng số tiền 7.500.000.000 đồng, đã trả lại cho bà H1 20 triệu đồng, còn chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 7.480.000.000 đồng.

* Kết quả giám định, định giá tài sản:

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định, kết luận: Ngôi nhà và đất tại số nhà B N, P. N, Tp ., tỉnh Bình Định (Đã thế chấp cho Ngân hàng V vay 8,7 tỷ đồng) có tổng giá trị là 9.926.781.000 đồng.

- Tại Kết luận giám định số 149 ngày 16/5/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: Chữ ký tên Nguyễn Duy K trong giấy mượn tiền đề ngày 22/3/2022 của ông Đỗ Quang T và bà Trần Thị Thu H1; Chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Duy K trong giấy Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/3/2022; Chữ ký tên Nguyễn Duy K trong giấy Hợp đồng cho vay tiền của Phạm Thị Ái D đề ngày 23/3/2022 là do Nguyễn Duy K viết và ký ra.

- Tại Kết luận giám định số 260 ngày 21/7/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: Chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Đ” dưới mục “Chồng” trong Giấy mượn tiền của ông Đỗ Quang T và bà Trần Thị Thu H1 đề ngày 22 tháng 3 năm 2022 là do Nguyễn Đức k và viết ra.

* Vật chứng vụ án đã thu giữ gồm (Không đi kèm hồ sơ vụ án):

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N 6303i classic số sê ri: 353402045878528, gắn sim Vina Phone 89840 20005 00040 11140;

- Tiền Ngân hàng N1: 3.440.449.647 (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

* Về dân sự: Các bị hại Trần Thị Thu H1, Phạm Thị Ái D yêu cầu bị can Võ Thị Minh H phải trả lại toàn bộ số tiền 7.480.000.000 đồng mà H đã chiếm đoạt. Đến nay, bị can H và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.440.449.647 đồng để bồi thường, khắc phục cho các bị hại.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Minh H 07 (B1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thị Minh H phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T 4.480.000.000 đồng và bà Phạm Thị Ai D 3.000.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho vợ chồng bà H1, ông T và bà D 3.440.449.647 đồng (Số tiền 3.440.449.647 đồng vợ chồng bà H1, ông T được nhận 1/2, bà D được nhận 1/2. Vợ chồng bà H1, ông T được nhận 1.720.224.823 đồng và bà D được nhận 1.720.224.823 đồng). Do đó, bị cáo còn phải tiếp tục trả cho cho vợ chồng bà H1, ông T 2.759.775.177 (Hai tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi bảy) đồng và trả cho bà D 1.279.775.177 (Một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi bảy) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2023 bà Trần Thị Thu H1 có đơn kháng cáo, lý do kháng cáo bà H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chia hai số tiền bồi thường, khắc phục trong vụ án cho 02 bị hại là không đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giải quyết cho bà H1 được nhận hết số tiền bồi thường, khắc phục nêu trên hoặc nhận 2/3 số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B2 Trần Thị Thu H1 giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu H1, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào Bản án sơ thẩm các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của bà Trần Thị Thu H1, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bà Trần Thị Thu H1 là hợp lệ, người kháng cáo đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt đối với người kháng cáo theo như đề nghị của K1 sát viên tham gia phiên tòa.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Do kinh doanh thua lỗ và mất cân đối trong chi tiêu sinh hoạt gia đình dẫn đến không có khả năng thanh toán, trả nợ cho các

chủ nợ, nên từ ngày 22/3/2022 đến ngày 24/3/2022, Võ Thị Minh H đã đưa ra thông tin gian dối về việc vay tiền để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng trong thời gian ngắn, làm cho các bị hại bà Trần Thị Thu H1 và bà Phạm Thị Á Diễm tin tưởng, cho bị cáo vay tiền, bà H3 cho bị cáo H vay số tiền 4.480.000.000 đồng, bà D đã cho bị cáo H vay 3.000.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền bị cáo Võ Thị Minh H đã sử dụng để trả nợ cho những người mà bị cáo đã vay tiền trước đó, hành vi nêu trên của bị cáo Võ Thị Minh H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt bị cáo Võ Thị Minh H 07 năm tù, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Xem xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bà Trần Thị Thu H1, xét thấy, sau khi bị cáo Võ Thị Minh H đã chiếm đoạt tiền của các bị hại, trong quá trình điều tra bị cáo đã nộp số tiền 3.440.449.647 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả chung cho các bị hại, tại Bản án sơ thẩm đã chia hai số tiền nói trên cho 02 người bị hại là hợp lý, phù hợp Điều 48 Bộ luật Hình sự; 106 Bộ luật Tố tụng dân sự cũng như căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại và nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo quy định tại các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự, các khoản tiền bị cáo còn phải trả cho bà H1, bà D Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định và tuyên buộc bị cáo phải tiếp tục trả cho các bị hại đầy đủ, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị hại hoặc sẽ gặp khó khăn trong hoạt động thi hành án, việc bà Trần Thị Thu H1 kháng cáo cho rằng tại Bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 47 Luật Thi hành án dân sự và Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ là không đúng, các quy định trên chỉ áp dụng khi thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật, không phải là quy định bắt buộc phải áp dụng trong hoạt động xét xử. Mặt khác, bà H1 kháng cáo yêu cầu được nhận hết hoặc được nhận 2/3 số tiền đang tạm giữ cũng không phù hợp theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự và Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu H1, giữ nguyên phần Quyết định về trách nhiệm dân sự tại Bản án sơ thẩm.

[4]. Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Thu H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Minh H; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm cũng như quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu H1, giữ nguyên phần Quyết định về trách nhiệm dân sự tại Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; 106 Bộ luật Tố tụng dân sự các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự.

Xử:

1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thị Minh H phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T 4.480.000.000 đồng và bà Phạm Thị Ai D 3.000.000.000 đồng.

2. Đối với số tiền 3.440.449.647 đồng bị cáo Võ Thị Minh H bồi thường khắc phục hậu quả (*Theo ủy nhiệm chi số 10/2023 ngày 13/7/2023 đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định*). Bà Trần Thị Thu H1 và ông Đỗ Quang T được nhận $\frac{1}{2}$, tương ứng số tiền 1.720.224.800 đồng (*Một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm đồng*); bà Phạm Thị Ai D được nhận $\frac{1}{2}$, tương ứng số tiền 1.720.224.800 đồng (*Một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng*), (*đã làm tròn số*).

3. Bị cáo Võ Thị Minh H còn phải tiếp tục trả cho cho vợ chồng bà H1, ông T 2.759.775.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); trả cho bà D 1.279.775.000 đồng (*Một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)(*đã làm tròn số*).

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.440.449.647 (*Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bảy*) để thi hành án.

5. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, bà Trần Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà H1 đã nộp đủ tại Biên lai số 0000371, ngày 18/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm cũng như quyền và nghĩa vụ thi hành án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi